

UBND TỈNH CÀ MAU
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ



GIÁO TRÌNH
MÔN HỌC: DƯỢC XÃ HỘI HỌC
NGÀNH: DƯỢC
TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG

Ban hành kèm theo Quyết định số 19 /QĐ-CDYT ngày 25 tháng 01 năm 2022
Của Trường Cao đẳng Y tế Cà Mau

Cà Mau, năm 2022
(Lưu hành nội bộ)

TUYÊN BỐ BẢN QUYỀN

Tài liệu này thuộc loại sách giáo trình nên các nguồn thông tin có thể được phép dùng nguyên bản hoặc trích dùng cho các mục đích về đào tạo và tham khảo.

Mọi mục đích khác mang tính lệch lạc hoặc sử dụng với mục đích kinh doanh thiếu lành mạnh sẽ bị nghiêm cấm.

TaiLieu.vn

LỜI GIỚI THIỆU

Xã hội học là môn khoa học xã hội, nghiên cứu các vấn đề xã hội liên quan đến hành vi tâm lý, các hoạt động đời sống xã hội trong đó có lĩnh vực y dược học, các nhà khoa học đã vận dụng kiến thức xã hội đưa vào hoạt động ngành dược được gọi là dược xã hội học

Với yêu cầu đặt ra, người dược sĩ khi thực hiện nhiệm vụ vận dụng được các kiến thức xã hội để ứng dụng vào thực tiễn chuyên ngành.

Giáo trình này được biên soạn với mục đích giúp sinh viên đang học các lớp cao đẳng dược và những người có quan tâm đến công tác này, hiểu và thực hiện được một số kiến thức, kỹ năng cơ bản về xã hội học ứng dụng vào công tác chuyên ngành.

Nội dung của giáo trình, giới thiệu các vấn đề xã hội nói chung như dân số, chính sách của Đảng, chủ trương của Nhà nước về công tác chuyên ngành dược, gồm các chương sau:

- Chương 1. Đại cương về dược xã hội học
- Chương 2. Đạo đức hành nghề y dược
- Chương 3. Tổ chức ngành y tế và ngành dược Việt Nam
- Chương 4. Chăm sóc thuốc men đảm bảo công bằng trong công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân
- Chương 5. Chính sách quốc gia về thuốc thiết yếu và danh mục thuốc thiết yếu
- Chương 6. Dân số và các yếu tố ảnh hưởng đến dân số
- Chương 7. Quan điểm Đảng Cộng sản Việt Nam về công tác y tế
- Chương 8. Chiến lược phát triển ngành dược Việt Nam giai đoạn đến năm 2020, Tầm nhìn đến năm 2030
- Chương 9. Chiến lược quốc gia về bảo vệ chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn 2010 – 2020, tầm nhìn 2030
- Chương 10. Bảo hiểm y tế
- Chương 11. Hoạt động ngành dược Việt Nam và vai trò của dược sĩ trong cộng đồng

Trong quyển giáo trình này, chúng tôi có đưa vào một số nội dung, các Nghị quyết, quyết định, chính sách của Đảng, Nhà nước về chiến lược phát triển ngành dược, cùng một số chuyên đề hoạt động ngành dược do Bộ Y tế đề ra nhằm giúp người đọc hiểu một cách đầy đủ hơn về sự liên quan các vấn đề xã hội đối với ngành dược.

Cà Mau, ngày 02 tháng 08 năm 2022

BIÊN SOẠN HUỲNH MINH HUẤN

GIÁO TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: **DƯỢC XÃ HỘI HỌC**

Mã môn học: **D304**

I. Vị trí, tính chất, ý nghĩa và vai trò môn học:

- Vị trí: Giáo trình dành cho người học trình độ Cao đẳng tại trường Cao đẳng Cao Y tế Cà.
- Tính chất: Giáo trình cung cấp kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ và trách nhiệm cho người học liên quan đến hoạt động Dược xã hội học, gồm có: tổng quan về xã hội hoạt động chuyên ngành dược. Qua đó, người học đang học tập tại trường sẽ: (1) có bộ giáo trình phù hợp với chương trình đào tạo của trường; (2) dễ dàng tiếp thu cũng như vận dụng các kiến thức và kỹ năng được học vào môi trường học tập và thực tế thuộc lĩnh vực dược xã hội học.
- Ý nghĩa và vai trò của môn học: Giúp sinh viên vận dụng được những kiến thức xã hội học để ứng dụng vào các hoạt động chuyên ngành dược.

II. Mục tiêu môn học:

Về kiến thức:

Kể ra được tổ chức ngành dược, vai trò của dược sĩ trong ngành y tế Việt Nam.

Trình bày được chiến lược phát triển ngành dược Việt Nam.

Trình bày được các chính sách Quốc gia về thuốc, quan điểm của Đảng cộng sản Việt Nam về công tác y tế.

Hiểu được chính sách quốc gia về thuốc thiết yếu và việc chăm sóc thuốc men đảm bảo công bằng về thuốc.

Biết được thế nào là dân số và các yếu tố ảnh hưởng đến dân số.

Về kỹ năng

Vận dụng được kiến thức đã học để thực hành chuyên môn trong học tập và công tác.

Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

Ý thức được tầm quan trọng và ý nghĩa thực tiễn của hoạt động dược xã hội trong tổ chức.

Cân nhắc đưa ra quyết định khi chọn lựa, cung ứng thuốc .

Tuân thủ nội quy, quy định nơi làm việc.

II.3	Môn học tự chọn						
MH54	Kỹ năng giao tiếp ngành	3	45	8	37	3	
MH55	Dược lâm sàng nâng cao	2	30	8	22	3	
MH56	Công nghiệp dược	3	45	4	41	3	
MH57	Quản lý dược	2	30	4	26	3	
Tổng cộng			5	75	12	63	6
Tổng toàn khóa học			130	2895	867	2028	146

III. Chương trình chi tiết

TT	TÊN CHƯƠNG, MỤC	THỜI GIAN (GIỜ)	KIỂM TRA			
			Tổng số	LT	TH	
1	Chương 1. Đại cương về dược xã hội học		4	4	0	
2	Chương 2. Đạo đức hành nghề Y - dược		8	4	4	

3	Tổ chức ngành dược Việt Nam	5	3	2	
4	Chương 3. Chăm sóc thuốc men, đảm bảo công bằng	8	4	4	
5	Chương 4. Chính sách quốc gia về thuốc thiết yếu và danh mục thuốc thiết yếu	10	5	4	1
6	Chương 5. Dân số và các yếu tố ảnh hưởng đến dân số	12	4	8	
7	Chương 6. Quan điểm của ĐCSVN về công tác y tế	8	4	4	
8	Chương 7. Chiến lược phát triển ngành dược Việt Nam	4	2	2	
9	Chương 8. Chiến lược QG về CSSK nhân dân (2010-2020)	4	4	0	
10	Chương 9. Bảo hiểm y tế	8	4	3	1
11	Chương 10. Hoạt động ngành dược VN và vai trò DS trong cộng đồng	4	4	0	
	Cộng	75	42	31	2

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học Lý thuyết/Thực hành: Đáp ứng phòng học chuẩn
2. Trang thiết bị dạy học: Projector, máy vi tính, bảng, phấn
3. Học liệu, dụng cụ, mô hình, phương tiện: Giáo trình, mô hình học tập,...
4. Các điều kiện khác: Người học tìm hiểu thực tế về công tác nghiên cứu về xã hội học để ứng dụng trong ngành dược.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức: Đánh giá tất cả nội dung đã nêu trong mục tiêu kiến thức
- Kỹ năng: Đánh giá tất cả nội dung đã nêu trong mục tiêu kỹ năng.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Trong quá trình học tập, người học cần:
 - + Nghiên cứu bài trước khi đến lớp.
 - + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.
 - + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.
 - + Nghiêm túc trong quá trình học tập.

2. Phương pháp:

Người học được đánh giá tích lũy môn học như sau:

2.1. Cách đánh giá

- Áp dụng quy chế đào tạo Cao đẳng hệ chính quy ban hành kèm theo Thông tư số 09/2017/TT-LĐTBXH, ngày 13/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

- Hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo áp dụng tại Trường Cao đẳng Kinh Tế Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

Điểm đánh giá	Trọng số
+ Điểm kiểm tra thường xuyên (Hệ số 1)	40%

+ Điểm kiểm tra định kỳ (Hệ số 2)	
+ Điểm thi kết thúc môn học	60%

2.2. Phương pháp đánh giá

Phương pháp đánh giá	Phương pháp tổ chức	Hình thức kiểm tra	Chuẩn đầu ra đánh giá	Số cột	Thời điểm kiểm tra
Thường xuyên	Viết/ Thuyết trình	Tự luận/ Trắc nghiệm/ Báo cáo	A1, A2, A3, B1, B2, B3, C1, C2	1	Sau 27 giờ.
Định kỳ	Viết/ Thuyết trình	Tự luận/ Trắc nghiệm/ Báo cáo	A4, B4, C3	1	Sau 45 giờ
Kết thúc môn học	Viết	Tự luận và trắc nghiệm	A1, A2, A3, A4, A5, B1, B2, B3, B4, B5, C1, C2, C3,	1	Sau 75 giờ

2.3. Cách tính điểm

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc môn học được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm môn học là tổng điểm của tất cả điểm đánh giá thành phần của môn học nhân với trọng số tương ứng. Điểm môn học theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về đào tạo theo tín chỉ.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi, đối tượng áp dụng: Đối tượng Cao đẳng Dược

2. Phương pháp giảng dạy, học tập môn học

2.1. Đối với người dạy

* Lý thuyết: Áp dụng phương pháp dạy học tích cực bao gồm: thuyết trình ngắn, nêu vấn đề, hướng dẫn đọc tài liệu, bài tập tình huống, câu hỏi thảo luận....

* Bài tập: Phân chia nhóm nhỏ thực hiện bài tập theo nội dung đề ra.

* Thảo luận: Phân chia nhóm nhỏ thảo luận theo nội dung đề ra.

* Hướng dẫn tự học theo nhóm: Nhóm trưởng phân công các thành viên trong nhóm tìm hiểu, nghiên cứu theo yêu cầu nội dung trong bài học, cả nhóm thảo luận, trình bày nội dung, ghi chép và viết báo cáo nhóm.

2.2. Đối với người học: Người học phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Nghiên cứu kỹ bài học tại nhà trước khi đến lớp. Các tài liệu tham khảo sẽ được cung cấp nguồn trước khi người học vào học môn học này (trang web, thư viện, tài liệu...)

- Tham dự tối thiểu 70% các buổi giảng lý thuyết. Nếu người học vắng >30% số tiết lý thuyết phải học lại môn học mới được tham dự kì thi lần sau.

- Tự học và thảo luận nhóm: là một phương pháp học tập kết hợp giữa làm việc theo nhóm và làm việc cá nhân. Một nhóm gồm 8-10 người học sẽ được cung cấp chủ đề thảo luận trước khi học lý thuyết, thực hành. Mỗi người học sẽ chịu trách nhiệm về 1 hoặc một số nội dung trong chủ đề mà nhóm đã phân công để phát triển và hoàn thiện tốt nhất toàn bộ chủ đề thảo luận của nhóm.

- Tham dự đủ các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ.
- Tham dự thi kết thúc môn học.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

Tailieu.vn

Chương 1. ĐẠI CƯƠNG VỀ DƯỢC XÃ HỘI HỌC

GIỚI THIỆU CHƯƠNG 1

Chương 1 là chương giới thiệu bức tranh tổng quan về một số nội dung cơ bản như cách nhìn nhận việc sử dụng thuốc của một cộng đồng dân cư, sự khác biệt giữa loài người với các loài vật khác ở việc biết sử dụng thuốc,... để người học có được kiến thức nền tảng và dễ dàng tiếp cận nội dung môn học ở những chương tiếp theo.

MỤC TIÊU CHƯƠNG 1

Sau khi học xong chương này, người học có khả năng:

Về kiến thức:

Trình bày và giải thích được các khái niệm, của xã hội học.

Trình bày và giải thích được các chức năng và nhiệm vụ của xã hội học

Vận dụng được các nội dung xã hội học trong thực tế.

Về kỹ năng:

Nhận diện, đánh giá được khả năng tiếp cận, sử dụng thuốc của một bộ phận dân cư trong cộng đồng.

Phân tích được những tác động của việc sử dụng thuốc có ảnh hưởng đến đời sống xã hội.

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Ý thức được tầm quan trọng và ý nghĩa thực tiễn của hoạt động dược xã hội học.

Cân nhắc đưa ra quyết định khi gặp điều kiện thuận lợi và bất lợi do điều kiện xã hội tác động đến ngành dược.

Tuân thủ nội quy, quy định nơi làm việc.

PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP CHƯƠNG 1

- Đối với người dạy: sử dụng phương pháp giảng dạy tích cực (diễn giảng, vấn đáp, dạy học theo vấn đề); yêu cầu người học thực hiện câu hỏi thảo luận và bài tập chương 1 (cá nhân hoặc nhóm).
- Đối với người học: chủ động đọc trước giáo trình (chương 1) trước buổi học; hoàn thành đầy đủ câu hỏi thảo luận và bài tập tình huống chương 1 theo cá nhân hoặc nhóm và nộp lại cho người dạy đúng thời gian quy định.

ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG 1

- **Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:** Không
- **Trang thiết bị máy móc:** Máy chiếu và các thiết bị dạy học khác
- **Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:** Chương trình môn học, giáo trình, tài liệu tham khảo, giáo án, phim ảnh, và các tài liệu liên quan.
- **Các điều kiện khác:** Không có

KIỂM TRA VÀ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG 1

- Nội dung:

Kiến thức: Kiểm tra và đánh giá tất cả nội dung đã nêu trong mục tiêu kiến thức

Kỹ năng: Đánh giá tất cả nội dung đã nêu trong mục tiêu kỹ năng.

Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Trong quá trình học tập, người học cần:

- + Nghiên cứu bài trước khi đến lớp
- + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.
- + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.
- + Nghiêm túc trong quá trình học tập.

- Phương pháp:

Điểm kiểm tra thường xuyên: 1 điểm kiểm tra (hình thức: hỏi miệng, câu hỏi ngắn trên giấy)

Kiểm tra định kỳ lý thuyết: 0 điểm kiểm tra định kỳ.

NỘI DUNG CHƯƠNG 1

1. TÊN CHƯƠNG: ĐẠI CƯƠNG DƯỢC XÃ HỘI HỌC

2. NỘI DUNG

2.1. Khái niệm

2.1.1. Xã hội học là gì?

Xã hội học là khoa học nghiên cứu về xã hội loài người như cơ cấu xã hội, thiết chế xã hội, quan hệ xã hội... thông qua các hiện tượng và quá trình xã hội được biểu hiện trong một thể thống nhất.

2.1.2. Đối tượng nghiên cứu

Về mặt tổng quát, đối tượng nghiên cứu của xã hội học là xã hội loài người được hình thành dựa vào các mối quan hệ chồng chéo và phức tạp giữa người với người trong một nhóm, một cộng đồng, một dân tộc... trong đó các mối quan hệ xã hội được xuất phát từ con người xã hội và được biểu hiện thông qua các sinh hoạt xã hội, hoạt động và hành vi xã hội giữa người với người. Như vậy, khi nghiên cứu xã hội học sẽ liên quan đến nhiều lãnh vực khoa học khác như tâm lý học, y sinh học, triết học, kinh tế học, toán học...

2.1.3. Chức năng

2.1.3.1. Chức năng nhận thức

Xã hội học cung cấp cho con người học các kiến thức về thực trạng xã hội, các quá trình phát triển xã hội loài người theo qui luật khách quan góp phần làm cho công tác quản lý xã hội một cách toàn diện và hiệu quả như sự kết hợp hài hòa giữa lợi ích cá nhân, tập thể và cộng đồng.

2.1.3.2. Chức năng thực tiễn

Xã hội học phân tích, đánh giá thực trạng các quan hệ xã hội, dự đoán sự vận động xã hội trong tương lai, giúp cho con người kiểm soát được các quan hệ xã hội bằng nhận thức và hành vi của mình. Ngoài ra, xã hội học giúp cho các cơ quan quản lý xã hội hoạch định các chính sách cũng như các phương hướng quản lý cộng đồng sao cho phù hợp với đặc điểm và nhu cầu cộng đồng của xã hội đó. Đặc biệt chức năng thực tiễn xã hội của xã hội học còn thể hiện ở khâu dự báo xã hội, dựa vào các thực nghiệm xã hội học. Thí dụ: dự báo nhu cầu các loại hình nhân lực y tế cho Việt Nam tới năm 2020.

2.1.3.3. Chức năng tư tưởng

Thông qua các biện pháp dự báo, thông tin quản lý xã hội, các nhà quản lý xã hội sẽ có các chiến lược thích hợp để giáo dục con người đi theo hệ tư tưởng của mình. Trong tình hình thực tiễn Việt Nam hiện nay, việc giáo dục quần chúng theo định hướng xã hội chủ nghĩa, hạn chế các tác động của nền kinh tế thị trường, tuyên truyền giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh là việc làm vừa cấp bách, vừa thường xuyên trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Thí dụ: trong ngành y tế việc giáo dục y đức, dược đức, việc tăng cường thông tin thông qua tuyên truyền các chương trình y tế quốc gia và việc chăm sóc và bảo vệ sức khỏe ban đầu chính là thực hiện chức năng tư tưởng của xã hội học y dược.

2.1.4. Nhiệm vụ

Nghiên cứu các hình thái xã hội, cơ chế hoạt động xã hội, nghiên cứu sự phát triển của xã hội loài người nhằm phục vụ cho việc tổ chức và quản lý xã hội một cách hiệu quả.

2.2. Một số khái niệm cơ bản trong xã hội học

2.2.1. Con người xã hội

Con người xã hội là chủ thể của xã hội đồng thời cũng là sản phẩm của xã hội. “ Bản chất của con người là tổng hòa những mối quan hệ xã hội”(K. Marx). Con người đã tạo ra đời sống xã hội nói chung và cấu trúc đặc điểm của đời sống nói riêng như: kinh tế, chính trị, đạo đức, pháp luật, tập quán, thói quen phòng chữa bệnh, ăn uống...

2.2.2. Nhóm xã hội

Là tập hợp hai hay nhiều người hoạt động cùng mục đích (tích cực hay tiêu cực) gồm các loại như sau:

- Nhóm nhỏ (sơ cấp): số lượng cá nhân tham gia ít, quan hệ trực tiếp với nhau như gia đình, bạn bè, đồng nghiệp. Nhóm này ảnh hưởng đến tính cách và tình cảm của mỗi cá nhân.
- Nhóm lớn (thứ cấp): số lượng cá nhân tham gia đông đảo, hoạt động theo điều lệ, qui chế riêng biệt, rõ ràng, quan hệ thường là gián tiếp qua các khâu trung gian (Hiệp hội, Đảng, Đoàn...)
- Nhóm chính thức: là những nhóm có tư cách pháp nhân, tư cách pháp lý.
- Nhóm không chính thức: các hội nhóm không có sự công nhận pháp lý, hình thành và hoạt động chủ yếu dựa vào nhu cầu tình cảm, tôn giáo, tín ngưỡng... Theo truyền thống, gia đình là một nhóm xã hội được hình thành bởi các quan hệ về hôn nhân, nuôi dưỡng hay huyết thống với các chức năng như sinh sản, tình cảm, kinh tế, giáo dục và xã hội.

2.2.3. Cấu trúc xã hội: Là kết cấu tổ chức bên trong của hệ thống xã hội nhất định, trong đó có sự thống nhất bền vững tương đối của các yếu tố, thành phần của xã hội đó như dân tộc, giai cấp, nhóm nghề nghiệp..

2.2.4. Phân tầng xã hội

Là sự phân bố nhóm xã hội theo những vị trí khác nhau dựa trên các tiêu chí về quyền sở hữu, trình độ nhận thức, điều kiện giáo dục, công việc... cụ thể xã hội loài người có thể phân tầng theo các dạng sau:

- **Theo địa vị kinh tế:**

- . Người giàu – người nghèo
- . Tư sản – vô sản
- . Quý tộc – thứ dân,...

- **Theo địa vị chính trị:**

- . Giai cấp thống trị - giai cấp bị trị
- . Cấp trên – cấp dưới
- . Người có quyền lực nhà nước – người phải chấp hành quyền lực nhà nước

- **Theo địa vị xã hội:**

- . Lãnh tụ tôn giáo – giáo dân
- . Lãnh tụ đảng phái – đảng viên
- . Đảng phái - thành viên

- . Trưởng tộc - con cháu
- . Già làng – dân làng
- . Chuyên viên – trợ lý
- . Thợ cả - học việc,...
- **Theo trình độ học vị**
Cao - Trung – Thấp,....

2.3. Thiết chế xã hội

2.3.1. Khái niệm

Thiết chế xã hội là hệ thống các qui tắc giá trị và cấu trúc nhằm đạt tới một mục đích nhất định như là hệ thống các quan hệ ổn định tạo nên các khuôn mẫu xã hội được xã hội thừa nhận nhằm thỏa mãn các nhu cầu cơ bản của xã hội.

2.3.2. Các loại thiết chế xã hội chủ yếu

- Thiết chế gia đình
- Thiết chế giáo dục, đạo đức
- Thiết chế tôn giáo
- Thiết chế kinh tế
- Thiết chế nhà nước

2.3.3. Dư luận xã hội

Là những nhận định, đánh giá, cảm nhận hay biểu thị thái độ nguyện vọng của quần chúng về các vấn đề mà họ quan tâm như:

- Đồng tình – phản đối
- Khen – chê
- Đúng – sai
- Nhận xét tích cực – tiêu cực
- Bày tỏ nguyện vọng.

2.3.4. Kiểm soát xã hội

Là sự tác động của các cơ chế xã hội làm cho con người xã hội sống và phát triển ổn định gồm:

- Kiểm soát chính thức: Dựa vào các cơ quan quyền lực nhà nước như quân đội, cảnh sát, nhà tù, tòa án trên cơ sở pháp luật hiện hành.
- Kiểm soát không chính thức: Dư luận xã hội thực hiện sự kiểm soát xã hội không chính thức. Thí dụ: lạm dụng thuốc, nghiện thuốc, lệ thuộc thuốc, bị dư luận xã hội khuyến cáo hoặc lên án.

2.3.5. Lối sống

- Bao gồm các phương thức tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ, cách thức tiêu tiền, việc tham dự lễ nghi tôn giáo, các câu lạc bộ hay các hoạt động chính trị, xã hội khác.
- Lối sống có liên quan tới mức sống, thu nhập và thời gian làm việc, mỗi thành viên xã hội đều có cách thức khác nhau trong hoạt động để thực hiện nhu cầu, lợi ích, giá trị của họ. Do vậy, lối sống phụ thuộc rất nhiều vào phân cách. Trong xã hội Việt Nam hiện nay có một số lối sống đặc trưng như lối sống đô thị được hình thành trên cơ sở vật chất, điều kiện sống, hoạt động nghề nghiệp và mối quan hệ của tất cả các nhóm dân cư sống trong đô thị (lớn, nhỏ) với các đặc điểm sau:

Nghề nghiệp cơ động: dễ dàng chuyển từ nghề này sang nghề khác.

Chỗ ở cơ động: chuyển đổi nơi cư trú từ nơi này sang nơi khác.

- Sinh hoạt hàng ngày phụ thuộc vào hệ thống dịch vụ công cộng và tư nhân như cung cấp điện, nước, lương thực...những vấn đề này có thể tự cấp, tự túc nếu sống ở nông thôn.
- Phạm vi và khả năng giao tiếp rộng, cơ hội tiếp nhận thông tin lớn dẫn đến nhu cầu về văn hóa, giáo dục rất cao và rất đa dạng.
- Con người đô thị có tính năng động cao, có ý chí phấn đấu trong hoạt động chuyên môn và nghề nghiệp nhưng cũng có tính tự do cao, vô kỷ luật, ham hưởng thụ.

2.3.6. Chính sách dân số: kìm hãm hoặc phát triển sinh sản

2.3.7. Chính sách xã hội

2.3.8. Chủng tộc

Là chủng loại gồm các cá nhân qua các thể hệ nội phối có cùng đặc điểm về chất và tâm lý, tập quán... gồm chủng tộc da trắng, da đen, da vàng và nâu.

2.3.9. Nhóm sắc tộc

Là địa vị, chỗ đứng của cá nhân trong bậc thang xã hội gồm:

- Vị trí kế vị như con nhà giàu được hưởng thừa kế, con vua lại làm vua...
- Vị trí đạt được: do cố gắng của cá nhân trong quá trình học tập và lao động bằng tài năng chính bản thân mình.

Như vậy, các yếu tố ảnh hưởng đến vị trí xã hội của cá nhân gồm:

Nguồn gốc gia đình, xã hội, dân tộc, tôn giáo.

Sự trợ giúp từ bên ngoài: cơ hội, sự giới thiệu...

Giới tính, lứa tuổi.

Học vấn, tài năng, năng khiếu.

2.4. Một số vấn đề về xã hội học y tế

2.4.1. Một số khái niệm

2.4.1.1. Dân số học

Dân số học là khoa học nghiên cứu các qui luật của tái sản xuất dân cư, cơ cấu dân cư

như các thông số về hôn nhân, tỷ suất sinh, tử, các điều kiện kinh tế liên quan trên quan điểm xã hội học. Dân số học là một lĩnh vực chuyên biệt của xã hội học, khảo sát một cách có hệ thống về dân số, mối quan hệ tương tác xã hội giữa con người với con người, giữa con người – xã hội trong quá trình tái sản xuất dân số tức nghiên cứu các mặt xã hội của quá trình dân số.

2.4.1.2. Đối tượng nghiên cứu của xã hội học

Đối tượng nghiên cứu của xã hội học dân số là nghiên cứu dân số với tư cách là cộng đồng dân cư trong quá trình sản xuất dân số ảnh hưởng đến xã hội tức nghiên cứu sự tác động của những thay đổi dân số trong cộng đồng dân cư đối với xã hội.

2.4.1.3. Cộng đồng

Cộng đồng là một tập hợp xã hội có nơi cư trú chung ổn định, phụ thuộc lẫn nhau trong sinh hoạt hàng ngày, thực hiện nhiều dạng hoạt động để thỏa mãn những nhu cầu về kinh tế, xã hội và văn hóa của mình.

2.5. Xã hội học y tế

2.5.1. Khái niệm

Xã hội học y tế và sức khỏe cộng đồng là một ngành xã hội học chuyên biệt nghiên cứu thực trạng hệ thống bảo vệ và chăm sóc sức khỏe người dân như các dịch vụ y tế, mối quan hệ giữa y tế và sức khỏe nhằm giúp cho các cơ quan quản lý nhà nước về y tế có những chính sách và hoạch định hướng xã hội chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

2.5.2. Đối tượng nghiên cứu

Xã hội học y tế nghiên cứu các phương thức tác động của y tế vào đời sống xã hội. Bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân, các quan hệ xã hội về y tế là các quan hệ phát sinh trong các lĩnh vực vệ sinh môi trường, phòng bệnh, khám chữa bệnh, xuất nhập khẩu, lưu thông phân phối thuốc và các hoạt động hướng dẫn sử dụng thuốc cho cộng đồng, xã hội học y tế nghiên cứu bản chất của các quan hệ này và sự tác động giữa các quan hệ này với nhau.

2.5.3. Ý nghĩa của xã hội học y tế đối với sự nghiệp chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân

Kết quả nghiên cứu xã hội học y được sẽ biết được các qui định của pháp luật đối với hoạt động y tế, sự quan tâm của nhà nước đối với xã hội như thế nào, từ đó thấy được tính ưu việt, tính nhân đạo của xã hội đó.

Trên cơ sở các phương pháp luận và kết quả nghiên cứu của xã hội học y tế giúp các cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý hoạt động y tế chặt chẽ hơn, đề ra các đường lối chính sách phù hợp hơn đối với mọi tầng lớp, mọi đối tượng trong xã hội, cải thiện và nâng cao sức khỏe cộng đồng, như vậy việc học tập và nghiên cứu xã hội học y tế là cần thiết và hữu ích, tuy nhiên để các kết quả nghiên cứu có độ tin cậy cao ngành xã hội học khác như: xã hội học dân số, xã hội học gia đình, xã hội học giáo dục, xã hội học văn hóa.

CÂU HỎI LƯỢNG GIÁ

Câu 1. Môn khoa học nghiên cứu về xã hội loài người như cơ cấu xã hội, thiết chế xã

hội, quan hệ xã hội... là

- A Kinh tế học
- B Xã hội học
- C Dược học
- D Y học

Câu 2. Đối tượng nghiên cứu của xã hội học

- A Xã hội loài người
- B Các mối quan hệ
- C Nhiều lĩnh vực khoa học khác
- D Tất cả đều đúng

Câu 3. Xã hội học có mấy chức năng

- A 2
- B 3
- C 4
- D 5

Câu 4. Các chức năng của xã hội học bao gồm. Chọn câu sai

- A Nhận thức
- B Thực tiễn
- C Kinh tế
- D Tư tưởng

Câu 5. Nhận thức, Thực tiễn, Tư tưởng là các chức năng của

- A Xã hội học
- B Kinh tế học
- C Tâm lý học
- D Dược học

Câu 6. Tư tưởng là chức năng thứ mấy của xã hội học

- A 1
- B 2
- C 3
- D 4

Câu 7. Chủ thể của xã hội đồng thời cũng là sản phẩm của xã hội. “ Bản chất của con người là tổng hòa những mối quan hệ xã hội” là

- A Nhóm xã hội
- B Con người xã hội

C Cấu trúc xã hội

D Phân tầng xã hội

Câu 8. Kết cấu tổ chức bên trong của hệ thống xã hội nhất định, trong đó có sự thống nhất bền vững tương đối của các yếu tố, thành phần của xã hội đó như dân tộc, giai cấp, nhóm nghề nghiệp..là

A Nhóm xã hội

B Con người xã hội

C Cấu trúc xã hội

D Phân tầng xã hội

Câu 9. Số lượng cá nhân tham gia ít, quan hệ trực tiếp với nhau như gia đình, bạn bè, đồng nghiệp. Nhóm này ảnh hưởng đến tính cách và tình cảm của mỗi cá nhân thuộc

A Nhóm xã hội

B Con người xã hội

C Cấu trúc xã hội

D Phân tầng xã hội

Câu 10. Là sự phân bố nhóm xã hội theo những vị trí khác nhau dựa trên các tiêu chí về quyền sở hữu, trình độ nhận thức, điều kiện giáo dục, công việc... là

A Nhóm xã hội

B Con người xã hội

C Cấu trúc xã hội

D Phân tầng xã hội

Câu 11. Sự phân biệt: người giàu – người nghèo; tư sản – vô sản; quý tộc – thứ dân là phân tầng xã hội theo

A Địa vị kinh tế

B Địa vị xã hội

C Địa vị chính trị

D Theo trình độ học

Câu 12. Sự phân biệt: giai cấp thống trị- giai cấp bị trị; cấp trên –cấp dưới,...là phân tầng xã hội theo

A Địa vị kinh tế

B Địa vị xã hội

C Địa vị chính trị

D Theo trình độ học

Câu 13. Sự phân biệt: lãnh tụ tôn giáo- giáo dân, trưởng tộc – con cháu,...là phân tầng xã hội theo

A Địa vị kinh tế

- B Địa vị xã hội
- C Địa vị chính trị
- D Theo trình độ học

Câu 14. Sự phân biệt: Già làng- dân làng, thợ cả - học việc,...là phân tầng xã hội theo

- A Địa vị kinh tế
- B Địa vị xã hội
- C Địa vị chính trị
- D Theo trình độ học

Câu 15. Sự phân biệt: cao – trung- thấp,...là phân tầng xã hội theo

- A Địa vị kinh tế
- B Địa vị xã hội
- C Địa vị chính trị
- D Theo trình độ học

Câu 16. Hệ thống các qui tắc giá trị và cấu trúc nhằm đạt tới một mục đích nhất định như là hệ thống các quan hệ ổn định tạo nên các khuôn mẫu xã hội được xã hội thừa nhận nhằm thỏa mãn các nhu cầu cơ bản của xã hội.là

- A Cấu trúc xã hội
- B Thiết chế xã hội
- C Dư luận xã hội
- D Kiểm soát xã hội

Câu 17. Những nhận định, đánh giá, cảm nhận hay biểu thị thái độ nguyện vọng của quần chúng về các vấn đề mà họ quan tâm chính là

- A Cấu trúc xã hội
- B Thiết chế xã hội
- C Dư luận xã hội
- D Kiểm soát xã hội

Câu 18. Sự tác động của các cơ chế xã hội làm cho con người xã hội sống và phát triển ổn định là

- A Cấu trúc xã hội
- B Thiết chế xã hội
- C Dư luận xã hội
- D Kiểm soát xã hội

Câu 19. Các vấn đề: đồng tình-phản đối; khen – chê; đúng - sai,.. thuộc về

- A Cấu trúc xã hội
- B Thiết chế xã hội

C Dư luận xã hội

D Kiểm soát xã hội

Câu 20. Thiết chế nào sau đây không thuộc loại thiết chế xã hội

A Gia đình

B Giáo dục, đạo đức

C Dân tộc

D Tôn giáo

Câu 21. Điều nào sau đây không phải là dư luận xã hội

A Khen- chê

B Bày tỏ nguyện vọng

C Hờn ghen

D Đồng tình- phản đối

Câu 22. Kiểm soát xã hội gồm có

A Kiểm soát chính thức

B Kiểm soát không chính thức

C Câu a đúng

D Câu a và b đúng

Câu 23. Phương thức tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ, cách thức tiêu tiền, việc tham dự lễ nghi tôn giáo là

A Lối sống

B Tập tục

C Thiết chế

D Dư luận

Câu 24. Dựa vào các cơ quan quyền lực nhà nước như quân đội, cảnh sát, nhà tù, tòa án trên cơ sở pháp luật hiện hành, là

A Kiểm soát chính thức

B Kiểm soát không chính thức

C Kiểm soát chung

D Kiểm soát riêng

Câu 25. Việc lạm dụng thuốc, nghiện thuốc, lệ thuộc thuốc, bị dư luận xã hội khuyến cáo hoặc lên án. Là

A Kiểm soát chính thức

B Kiểm soát không chính thức

C Kiểm soát chung

D Kiểm soát riêng

Câu 26. Các cá nhân qua các thể hệ nội phối có cùng đặc điểm về chất và tâm lý, tập quán... da trắng, da đen, da vàng và nâu. Gọi là

- A Nhóm sắc tộc
- B Dân tộc
- C Chủng tộc
- D Dân số

Câu 27. Một lãnh vực chuyên biệt của xã hội học, khảo sát một cách có hệ thống về dân số, mối quan hệ tương tác xã hội giữa con người với con người, giữa con người – xã hội. Là

- A Nhóm sắc tộc
- B Dân tộc
- C Chủng tộc
- D Dân số học

Câu 28. Yếu tố nào sau đây không ảnh hưởng đến vị trí xã hội của cá nhân

- A Nguồn gốc gia đình, xã hội, dân tộc, tôn giáo.
- B Sự trợ giúp từ bên ngoài: cơ hội, sự giới thiệu...
- C Quê hương, xứ sở;
- D Học vấn, tài năng, năng khiếu.

Chương 2. ĐẠO ĐỨC HÀNH NGHỀ Y DƯỢC

GIỚI THIỆU CHƯƠNG 2

Chương 2, giới thiệu một số nội dung cơ bản về đạo đức hành nghề của người thầy thuốc, nhằm giúp người học có những khái niệm cơ bản về đạo đức hành nghề. Từ đó người học có được kiến thức nền tảng và dễ dàng tránh được những sai lầm như vi phạm đạo đức trong hành nghề.

MỤC TIÊU CHƯƠNG 2

Sau khi học xong chương này, người học có khả năng:

Về kiến thức:

Trình bày và giải thích được các khái niệm đạo đức là gì?.

Trình bày và giải thích được chức năng và nhiệm vụ của đạo đức trong hành nghề y dược.

Vận dụng được các nội dung đạo đức nghề nghiệp học trong thực tế.

Về kỹ năng:

Nhận diện, đánh giá phân biệt được hành vi vi phạm đạo đức

Phân tích được những tác động của việc suy thoái đạo đức trong hành nghề

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Ý thức được tầm quan trọng và ý nghĩa thực tiễn của đạo đức nghề nghiệp.

Tuân thủ nội quy, quy định nơi làm việc.

PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP CHƯƠNG 2

- Đối với người dạy: sử dụng phương pháp giảng dạy tích cực (diễn giảng, vấn đáp, dạy học theo vấn đề); yêu cầu người học thực hiện câu hỏi thảo luận và bài tập chương 2 (cá nhân hoặc nhóm).
- Đối với người học: chủ động đọc trước giáo trình (chương 2) trước buổi học; hoàn thành đầy đủ câu hỏi thảo luận và bài tập tình huống chương 2 theo cá nhân hoặc nhóm và nộp lại cho người dạy đúng thời gian quy định.

ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG 2

- **Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:** Không
- **Trang thiết bị máy móc:** Máy chiếu và các thiết bị dạy học khác
- **Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:** Chương trình môn học, giáo trình, tài liệu tham khảo, giáo án, phim ảnh, và các tài liệu liên quan.
- **Các điều kiện khác:** Không có

KIỂM TRA VÀ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG 2

Nội dung:

Kiến thức: Kiểm tra và đánh giá tất cả nội dung đã nêu trong mục tiêu kiến thức

Kỹ năng: Đánh giá tất cả nội dung đã nêu trong mục tiêu kỹ năng.